**HƯỚNG DẪN ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI KÌ II**

**NGỮ VĂN 10 - NĂM HỌC 2021-2022**

 **(THAM KHẢO)**

**A. GIỚI HẠN KIẾN THỨC VÀ MỘT SỐ KĨ NĂNG**

 **I. ĐỌC HIỂU: (4,0 điểm)**

 **1**. **Đọc hiểu các văn bản/đoạn trích thuộc thể phú, cáo, nghị luận trung đại (ngữ liệu ngoài sách giáo khoa).**

- **Nhận biết**:

 + Xác định được phương thức biểu đạt, thể loại của văn bản/đoạn trích.

 + Xác định các chi tiết tiêu biểu trong văn bản/đoạn trích.

 + Chỉ ra thông tin trong văn bản/đoạn trích.

- **Thông hiểu**

 + Hiểu được đặc sắc về nội dung của văn bản/đoạn trích: chủ đề, tư tưởng, vấn đề nghị luận...

 + Hiểu được đặc sắc về nghệ thuật của văn bản/ đoạn trích: lập luận, ngôn ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ...

 + Hiểu được một số đặc trưng của thể loại thể hiện trong văn bản/đoạn trích.

- **Vận dụng**:

 + Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của các yếu tố nội dung, hình thức trong văn bản.

 + Rút ra được những bài học, thông điệp từ nội dung văn bản.

 **2. Đọc hiểu văn bản văn xuôi tự sự trung đại (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa).**

- **Nhận biết**:

 + Xác định được phương thức biểu đạt, thể loại của văn bản/đoạn trích.

 + Xác định các chi tiết tiêu biểu trong văn bản/đoạn trích.

 + Chỉ ra thông tin trong văn bản/đoạn trích.

- **Thông hiểu**

 + Hiểu được đặc sắc về nội dung của văn bản/đoạn trích: chủ đề, tư tưởng, vấn đề nghị luận...

 + Hiểu được đặc sắc về nghệ thuật của văn bản/đoạn trích: lập luận, ngôn ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ...

 + Hiểu được một số đặc trưng của thể loại thể hiện trong văn bản/đoạn trích.

- **Vận dụng**:

 + Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của các yếu tố nội dung, hình thức trong văn bản.

 + Rút ra được những bài học, thông điệp từ nội dung văn bản.

**3. Đọc hiểu truyện thơ, ngâm khúc trung đại (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa).**

 - **Nhận biết:**

 + Xác định phương thức biểu đạt, thể loại của văn bản/đoạn trích.

 + Xác định nhân vật, chi tiết nghệ thuật tiêu biểu của văn bản/đoạn trích.

 + Chỉ ra được thông tin trong văn bản/đoạn trích.

 + Nhận diện đặc trưng của phong cách ngôn ngữ nghệ thuật thể hiện trong văn bản/đoạn trích.

- **Thông hiểu:**

 + Hiểu được đặc sắc về nội dung của văn bản/đoạn trích: chủ đề, tình cảm của nhân vật...

 + Hiểu được đặc sắc về nghệ thuật của văn bản/đoạn trích: ngôn ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ...

 + Hiểu được một số đặc trưng của thể loại thể hiện trong văn bản/đoạn trích.

- **Vận dụng:**

 + Nhận xét giá trị của các yếu tố nội dung, hình thức trong văn bản

 + Rút ra được những bài học, thông điệp từ nội dung văn bản

 **II. LÀM VĂN: (6,0 điểm)**

 **Thể loại và yêu cầu các mức độ cần đạt**

**a. Nghị luận về đoạn trích *Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ*****(Đặng Trần Côn, Đoàn Thị Điểm)**

 - **Nhận biết:**

 + Xác định được kiểu bài nghị luận, vấn đề cần nghị luận.

 + Giới thiệu thông tin về thời đại, tác giả, dịch giả, tác phẩm *Chinh phụ ngâm* và đoạn trích *Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ*.

 + Xác định được nội dung cảm xúc, nhân vật trữ tình… của đoạn trích.

 + Nhận diện được từ cổ, điển tích, điển cố trong văn bản/đoạn trích.

 - **Thông hiểu:** Trình bày được nội dung và nghệ thuật đoạn trích: nỗi đau khổ của người chinh phụ phải sống trong cảnh cô đơn, khao khát hạnh phúc lứa đôi; nghệ thuật miêu tả nội tâm nhân vật...

 - **Vận dụng:**

 + Vận dụng kĩ năng tạo lập văn bản; vận dụng kiến thức về lập luận trong văn nghị luận, các thao tác nghị luận; vận dụng kiến thức về tác phẩm để viết được bài văn nghị luận hoàn chỉnh đáp ứng yêu cầu của đề bài.

 + Nhận xét, đánh giá giá trị của tác phẩm, vai trò của tác giả, dịch giả trong văn học Việt Nam.

- **Vận dụng cao:**

 + Liên hệ, so sánh với các tác phẩm khác để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận; vận dụng kiến thức lí luận để có những phát hiện sâu sắc, mới mẻ vấn đề nghị luận;

 + Diễn đạt sáng tạo, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng.

 + Đánh giá được vai trò, ý nghĩa của thông điệp trong đoạn trích đối với cuộc sống, xã hội hiện tại.

 **b. Nghị luận về đoạn trích *Truyện Kiều* (*Trao duyên, Chí khí anh hùng)***

- **Nhận biết**:

+ Xác định được kiểu bài nghị luận, vấn đề cần nghị luận.

+ Giới thiệu thông tin về thời đại, tác giả, tác phẩm *Truyện Kiều* và đoạn trích.

+ Xác định được nội dung, nhân vật, biện pháp nghệ thuật… trong đoạn trích.

+ Nhận diện được từ cổ, điển tích, điển cố trong văn bản/đoạn trích.

- **Thông hiểu:** Trình bày được nội dung và nghệ thuật đoạn trích:

+ *Trao duyên*: bi kịch tình yêu, thân phận bất hạnh và sự hi sinh quên mình của Kiều vì hạnh phúc của người thân qua lời “*trao duyên*” đầy đau khổ; nghệ thuật khắc họa nội tâm nhân vật Thúy Kiều.

+ *Chí khí anh hùng*: khát vọng lên đường, lí tưởng anh hùng của Từ Hải; nghệ xây dựng hình tượng người anh hùng Từ Hải.

- **Vận dụng:**

 + Vận dụng các kĩ năng lập dàn ý, tạo lập văn bản, sử dụng các thao tác nghị luận; kĩ năng đọc hiểu tác phẩm để viết được bài văn nghị luận hoàn chỉnh đáp ứng yêu cầu của đề bài.

 + Nhận xét, đánh giá giá trị của tác phẩm, vai trò của tác giả Nguyễn Du trong văn học Việt Nam.

- **Vận dụng cao:**

 + Liên hệ, so sánh với các tác phẩm khác để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận; vận dụng kiến thức lí luận để có những phát hiện sâu sắc, mới mẻ vấn đề nghị luận;

 + Diễn đạt sáng tạo, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng.

 + Đánh giá được vai trò, ý nghĩa của thông điệp trong đoạn trích đối với cuộc sống, xã hội hiện tại.

**B. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA MỘT SỐ TÁC PHẨM, ĐOẠN TRÍCH**

 **Bài 1. TÌNH CẢNH LẺ LOI CỦA NGƯỜI CHINH PHỤ (trích CHINH PHỤ NGÂM)** - **ĐẶNG TRẦN CÔN, ĐOÀN THỊ ĐIỂM**

**\* Tác giả**:

- Đặng Trần Côn (? - ?). Quê: Hà Nội. Sống vào nửa đầu thế kỉ XVIII. Là một danh sĩ tài ba, hiếu học.

- Đoàn Thị Điểm (1705 - 1748). Người xứ Kinh Bắc. Hiệu: Hồng Hà nữ sĩ. Thông minh, học giỏi, nhan sắc, nhưng gặp nhiều ngang trái trong cuộc đời

**\* Tác phẩm** *Chinh phụ* *ngâm*

- **Hoàn cảnh ra đời**

 + Đầu những năm 40 TK XVIII

 + Cảm động trước nỗi đau khổ, mất mát của con người, nhất là người vợ lính trong chiến tranh

- **Nội dung**

 + Tố cáo chiến tranh phong kiến phi nghĩa

 + Đề cao quyền sống, trân trọng khát vọng tình yêu, hạnh phúc lứa đôi

- **Thể loại**

 + Ngâm khúc: tự sự + trữ tình

 + Nguyên tác: trường đoản cú (478 câu)

 + Bản dịch: song thất lục bát (408 câu)

**\* Đoạn trích**

- Vị trí: câu 193 - 216 của bản diễn Nôm

- Nội dung: Tình cảnh và tâm trạng người chinh phụ phải sống cô đơn, buồn khổ trong thời gian dài người chồng đi đánh trận không có tin tức, không rõ ngày trở về

**\* Nội dung**

- **Tám câu đầu: Nỗi cô đơn, lẻ bóng của người chinh phụ**

+ Nỗi cô đơn thể hiện qua hành động một mình dạo hiên vắng, buông, cuốn rèm nhiều lần, mong tin vui mà *ngoài rèm thước chẳng mách tin*

+ Nỗi cô đơn thể hiện qua sự đối bóng giữa người chinh phụ và ngọn đèn khuya; vẫn chỉ là *một mình mình biết, một mình mình hay*

- **Tám câu tiếp: Nỗi sầu muộn triền miên**

+ Nỗi sầu muộn được thể hiện qua sự cảm nhận về thời gian tâm lí. Người chinh phụ như đếm từng bước thời gian nặng nề trôi mà cảm nhận một khắc giờ *đằng đẵng như niên*

+ Để giải toả nỗi sầu, nàng cố tìm đến những thú vui như: đốt hương, soi gương, gảy đàn nhưng việc gì cũng chỉ là *gượng*. Sầu chẳng những không được giải toả mà còn nặng nề hơn

- **Tám câu cuối: Nỗi nhớ thương đau đáu**

+ Nỗi nhớ được thể hiện qua một khát khao cháy bỏng - gửi lòng mình đến non Yên - mong được chồng thấu hiểu, sẻ chia. Mức độ của nỗi nhớ được gợi lên qua những từ láy *thăm thẳm, đau đáu*,...

+ Khát khao của nàng không được đền đáp vì sự xa cách về không gian là quá lớn (*đường lên bằng trời*)

**\* Nghệ thuật**: Bút pháp tả cảnh ngụ tình, miêu tả tinh tế nội tâm nhân vật, ngôn từ chọn lọc, nhiều biện pháp tu từ

**\* Ý nghĩa**: Ghi lại nỗi cô đơn, buồn khổ của người chinh phụ trong tình cảnh chia lìa, đề cao hạnh phúc lứa đôi và tiếng nói tố cáo chiến tranh phong kiến

 **Bài 2. TRAO DUYÊN, CHÍ KHÍ ANH HÙNG (trích TRUYỆN KIỀU)** - **NGUYỄN DU**

**1.** **Tác giả, tác phẩm, vị trí đoạn trích**

- Nguyễn Du: Đại thi hào dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới, là nhà thơ lớn của văn học trung đại Việt Nam.

- *Truyện Kiều* là tác phẩm nổi tiếng, viết theo thể thơ lục bát, được sáng tác dựa trên cốt truyện của Thanh Tâm Tài Nhân là *Kim Vân Kiều truyện*. Tác phẩm có giá trị nhân đạo sâu sắc và giá trị hiện thực cao cả.

- Đoạn trích *Trao duyên* (câu 723 đến câu 756 của ***Truyện Kiều*)**: Mở đầu cho cuộc đời đau khổ của Kiều

- Đoạn trích **Chí khí anh hùng (**câu 2213 đến câu 2230 của **Truyện Kiều**): Từ Hải từ biệt Thuý Kiều ra đi lập sự nghiệp lớn.

**2. Nội dung:**

**a. Trao duyên**

- **Thúy Kiều nhờ Thúy Vân thay mình trả nghĩa cho Kim Trọng (18 câu đầu)**

+ Kiều nhờ cậy Vân: từ *cậy, chịu, lạy* và *thưa*: lời xưng hô vừa như trông cậy vừa như nài ép, phù hợp để nói vấn đề tế nhị *tình chị duyên em*

+ Kiều nhắc nhở mối tình của mình với chàng Kim: thắm thiết nhưng mong manh, nhanh tan vỡ.

 + Kiều trao duyên cho em. Chú ý cách trao duyên - trao lời tha thiết, tâm huyết; trao kỉ vật lại dùng dằng, nửa trao, nửa níu - để thấy tâm trạng của Kiều trong thời khắc đoạn trường này

→ Cách lập luận hết sức chặt chẽ, thấu tình, cho thấy Thúy Kiều là người sắc sảo, tinh tế, có đức hi sinh, một con người hiếu thảo, trọng nghĩa tình.

 → 18 câu thơ đầu là diễn biến tâm trạng phức tạp của Kiều trong lúc nói lời trao duyên. Nghệ thuật sử dụng các điển tích, điển cố, các thành ngữ dân gian, ngôn ngữ tinh tế, chính xác giàu sức thuyết phục, lập luận chặt chẽ.

- **Tâm trạng của Kiều sau khi trao duyên (còn lại)**

+ Dự cảm về cái chết trở đi trở lại trong tâm hồn Kiều, trong lời độc thoại nội tâm đầy đau đớn. Kiều hướng tới người yêu với tất cả tình yêu thương và mong nhớ...

+ ngày xưa: dĩ vãng xa xăm

+ bây giờ: hiện thực đau đớn

+ mai sau, bao giờ: tương lai mờ mịt

→ Tâm trạng Kiều có sự giằng co giữa khát vọng tình yêu mãnh liệt và hoàn cảnh phải vĩnh biệt tình yêu

+ Từ chỗ nói với em, Kiều chuyển sang nói với mình, nói với người yêu: *trâm gãy gương tan*, *tơ duyên ngắn ngủi, phận bạc như vôi*, *nước chảy hoa trôi*

+ Thốt lên tiếng kêu xé lòng:

*Ôi Kim lang ! hỡi Kim lang !*

*Thôi thôi thiếp đã phụ chàng từ đây !*

+ Tên Kim Trọng được nhắc hai lần cùng với các thán từ: sự đau đớn, tuyệt vọng: *ôi, hỡi...*

*+* Nhịp thơ 3/3, 2/4/2 như tiếng nấc nghẹn ngào

-> Tiếng kêu thảng thốt cất lên một cách tuyệt vọng, đau đớn tột cùng

- Tự nhận hết lỗi về mình -> cao thượng, giàu đức hi sinh và lòng vị tha

=> Từ giọng đau đớn chuyển thành tiếng khóc, khóc cho mình, khóc cho mối tình đầu trong sáng đẹp đẽ vừa mới chớm nở đã tan vỡ

**\* Nghệ thuật**:Miêu tả diễn biến tâm lí nhân vật tinh tế, ngôn ngữ độc thoại nội tâm sinh động

**\* Ý nghĩa**:Vẻ đẹp nhân cách của Thuý Kiều thể hiện qua nỗi đau đớn khi duyên tình tan vỡ và sự hi sinh đến quên mình vì hạnh phúc của người thân

**b. Chí khí anh hùng**

- **Khát vọng lên đường (4 câu đầu)**

 + Bối cảnh chia li:

 . *nửa năm*: khoảng thời gian Thuý Kiều và Từ Hải chung sống

 . *hương lửa*: ước lệ, tình yêu đang nồng nàn, say đắm

 + Giới thiệu chí khí anh hùng

 *. trượng phu*: người đàn ông có chí khí - khâm phục, ca ngợi

 . *bốn phương*: ước lệ, chí nguyện lập công danh, sự nghiệp lớn - chí khí anh hùng tung hoành thiên hạ

 . *thoắt*: tính từ; dứt khoát, mau lẹ, kiên quyết, chỉ sự nhanh chóng trong khoảnh khắc bất ngờ

 + Tư thế:

 . thanh gươm yên ngựa: một mình, một gươm, một ngựa

 . thẳng rong: đi liền một mạch - tư thế oai phong, hào hùng

=> Mang tính ước lệ, ngợi ca người anh hùng xuất chúng, mang tầm vóc vũ trụ; gây ấn tượng hoành tráng, kì vĩ

- **Lí tưởng anh hùng của Từ Hải**

 + Thuý Kiều muốn đi theo Từ Hải vì:

 . theo qui định của lễ giáo phong kiến (gái theo chồng)

 . do tâm lí của nàng lúc này

 . để cùng chia sẻ, gánh vác khó khăn cùng chàng

=>Mong muốn chính đáng, hợp lí. Kiều không những là vợ, mà còn là tri kỉ (không chỉ yêu mà còn hiểu, khâm phục và kính trọng chàng)

 + Lí t­ưởng anh hùng của Từ Hải

 . không quyến luyến, bịn rịn, không vì tình yêu mà quên đi lí tưởng cao cả.

 . trách Kiều là ngư­ời tri kỉ mà không hiểu mình, khuyên Kiều vượt lên trên tình cảm thông th­ường để sánh với anh hùng.

 . hứa hẹn với Kiều về một t­ương lai thành công.

 . khẳng định quyết tâm, tự tin vào thành công.

=>Nhân vật Từ Hải được xây dựng bằng sự ngưỡng mộ, trân trọng của tác giả; được miêu tả bằng bút pháp ước lệ, mang tầm vóc vũ trụ, hoành tráng, kì vĩ, khát vọng mãnh liệt, tự tin, mạnh mẽ

**\* Nghệ thuật**:Khuynh h­ướng lí t­ưởng hoá ng­ười anh hùng bằng bút pháp ­ước lệ và cảm hứng vũ trụ; trong đó, hai phương diện ­ước lệ và cảm hứng vũ trụ gắn bó chặt chẽ với nhau.

 **\* Ý nghĩa**:Lí t­ưởng anh hùng của Từ Hải và ước mơ công lí của Nguyễn Du.

**C. ĐỀ MINH HOẠ**

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**ĐỀ MINH HỌA | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II NĂM HỌC 2021 -2022****Môn: Ngữ văn, lớp10** *Thời gian làm bài*: 90 phút, *không kể thời gian phát đề* |

*Họ và tên học sinh*:……………………...........………... *Mã số học sinh*:……………………

1. **ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)**

**Đọc đoạn trích:**

*Nỗi lòng biết ngỏ cùng ai,*

*Thiếp trong cánh cửa chàng ngoài chân mây*

*Trong cửa này đã đành phận thiếp,*

*Ngoài mây kia há kiếp chàng vay* 1

*Những mong cá nước sum vầy,*

*Bao ngờ* [[1]](#footnote-1) *đôi ngả nước mây cách vời.*

(Trích bản dịch *Chinh phụ ngâm khúc*, Đặng Trần Côn*,*

*Chinh phụ ngâm diễn ca,* NXB Văn học, 1987, tr. 20)

**Thực hiện các yêu cầu:**

**Câu 1**. Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích.

**Câu 2**. Trong đoạn trích, nhân vật trữ tình là ai?

**Câu 3**.Chỉ ranhững chi tiết diễn tả hoàn cảnh biệt li cách trở trong đoạn trích.

**Câu 4**. Nêu hiệu quả phép đối được sử dụng trong câu: *Thiếp trong cánh cửa chàng ngoài chân mây*.

**Câu 5**. Anh/Chị hiểu như thế nào về nội dung hai câu thơ sau?

*Những mong cá nước sum vầy,*

*Bao ngờ đôi ngả nước mây cách vời.*

**Câu 6**.Nhận xét về tâm trạng của nhân vật trữ tình trong đoạn trích.

**II. LÀM VĂN (6,0 điểm)**

Trình bày cảm nhận của anh/chị về nhân vật Từ Hải trong đoạn trích sau:

*Nửa năm hương lửa đương nồng,*

*Trượng phu thoắt đã động lòng bốn phương.*

*Trông vời trời bể mênh mang,*

*Thanh gươm yên ngựa lên đường thẳng rong.*

*Nàng rằng: “Phận gái chữ tòng,*

*Chàng đi thiếp cũng một lòng xin đi”.*

*Từ rằng: “Tâm phúc tương tri,*

*Sao chưa thoát khỏi nữ nhi thường tình?*

*Bao giờ mười vạn tinh binh,*

*Tiếng chiêng dậy đất bóng tinh rợp đường.*

*Làm cho rõ mặt phi thường,*

*Bấy giờ ta sẽ rước nàng nghi gia.*

*Bằng nay bốn bể không nhà,*

*Theo càng thêm bận biết là đi đâu?*

*Đành lòng chờ đó ít lâu,*

*Chầy chăng là một năm sau vội gì!”*

*Quyết lời dứt áo ra đi,*

*Gió mây bằng đã đến kì dặm khơi.*

 (*Chí khí anh hùng* - trích *Truyện Kiều*, Nguyễn Du,

 *Ngữ văn* 10, Tập 2, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020, tr. 113)

 **HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **4,0** |
|  | **1** | Phương thức biểu đạt chính: tự sự.***Hướng dẫn chấm****:**- Học sinh trả lời như Đáp án: 0,5 điểm.**- Học sinh trả lời không đúng phương thức biểu đạt chính: không cho điểm.* | 0,5 |
| **2** | Theo người thầy Dương Trạm, Phạm Tử Hư *văn chương tài nghệ đời này không ai bì kịp* nhưng đến năm 40 tuổi, Tử Hư đi thi vẫn chưa đỗ là vì *lúc thiếu thời thường lấy văn tài mà kiêu ngạo với người khác, cho nên trời phải bắt đỗ muộn để phải chùn nhụt cái nết ngông ngáo đi.****Hướng dẫn chấm****:**- Học sinh trả lời như Đáp án hoặc vì trời muốn phạt Tử Hư cái tính ngông ngáo thưở thiếu thời: 0,5 điểm.**- Học sinh trả lời không đúng: không cho điểm.* | 0,5 |
| **3** | Những hành động khiến Dương Trạm được Đức Đế quân khen là có bụng tốt và tâu xin cho làm chức trực lại ở cửa Tử Đồng: *giữ điều tín thực với thầy bạn, quý trọng những giấy tờ có chữ, hễ thấy rơi vãi liền nhặt mà đốt đi.****Hướng dẫn chấm****:**- Học sinh trả lời như Đáp án: 0,5 điểm.**- Học sinh chỉ nêu được một hành động: 0,25 điểm**- Học sinh trả lời không đúng: không cho điểm.* | 0,5 |
| **4** | Chi tiết *Khi Dương Trạm chết, các học trò đều tản đi cả, duy Tử Hư làm lều ở mả để chầu chực, sau ba năm rồi mới trở về* cho thấy Phạm Tử Hư là người sống có tình có nghĩa, biết tôn sư trọng đạo.***Hướng dẫn chấm****:**- Học sinh trả lời như Đáp án hoặc diễn đạt tương đương: 0,75 điểm.**- Học sinh trả lời không đúng: không cho điểm.* | 0,75 |
| **5** | Chi tiết kì ảo được sử dụng trong đoạn trích: Phạm Tử Hư gặp lại người thầy Dương Trạm của mình sau khi người thầy đã mất.Hiệu quả nghệ thuật của chi tiết kì ảo được sử dụng trong đoạn trích: tạo ra tính hấp dẫn cho đoạn trích.***Hướng dẫn chấm****:* *Học sinh chỉ ra được chi tiết kì ảo trong đoạn trích: 0,25**Học sinh nêu được hiệu quả nghệ thuật của chi tiết kì ảo: 0,5* | 0,75 |
| **6** | Học sinh rút ra bài học có thể được từ lời của người thầy Dương Trạm ở cuối đoạn trích:- Không nên kiêu ngạo, xem thường người khác.- Người đi học, cần rèn trước hết là đạo đức.***Hướng dẫn chấm:****- Nêu được hai bài học: 1,0 điểm.**- Nêu được một bài học: 0,5 điểm**- Học sinh có thể diễn đạt khác Đáp án nhưng nếu vẫn đảm bảo đúng ý như Đáp án thì vẫn cho điểm như Hướng dẫn chấm.* | 1,0 |
| **II** |  | Vẻ đẹp của người anh hùng Lê Lợi trong trích đoạn của *Đại cáo bình Ngô.* | **6,0** |
|  |  | *a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận**Mở bài* nêu được vấn đề; *Thân bài* triển khai được vấn đề; *Kết bài* khái quát được vấn đề. | 0,5 |
|  | *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận*Vẻ đẹp của người anh hùng Lê Lợi trong đoạn trích của *Đại cáo bình Ngô****Hướng dẫn chấm:*** *- Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,5 điểm.**- Học sinh xác định chưa đầy đủ vấn đề nghị luận: 0,25 điểm.* | 0,5 |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Cần đảm bảo các yêu cầu sau: |  |
|  | *\** *Giới thiệu khái quát về tác giả Nguyễn Trãi, tác phẩm “Đại cáo bình Ngô” và đoạn trích.****Hướng dẫn chấm:****Học sinh chỉ giới thiệu được 01 trong 03 ý tác giả, tác phẩm, đoạn trích: 0,25 điểm.* | 0,5 |
|  | *\* Hình tượng người anh hùng Lê Lợi trong đoạn trích:*- Hình ảnh vị lãnh tụ của nghĩa quân Lam Sơn được thể hiện thống nhất trên hai phương diện: con người đời thường và phẩm chất lãnh tụ. Xuất thân bình thường (chốn hoang dã), cách xưng hô khiêm nhường “ta” (tôi) nhưng tự tin ở tư cách người anh hùng áo vải của nhân dân; có tấm lòng căm thù giặc sâu sắc; đau đáu, trăn trở trước khó khăn của buổi đầu khởi binh (*đau lòng nhức óc, nếm mật nằm gai, quên ăn vì giận*…); có lí tưởng và quyết tâm thực hiện lí tưởng (*đắn đo, trằn trọc, băn khoăn*) của một tấm lòng yêu nước thương dân.- Xây dựng hình tượng tâm lý nhân vật (từ ngữ thể hiện tâm trạng) kết hợp bút pháp tự sự - trữ tình, các điển tích, câu văn biền ngẫu với lối kết cấu sóng đôi đã thể hiện hiệu quả những hoài bão cũng như ý chí của Lê Lợi. Đoạn trích làm nổi bật tài năng và phẩm chất anh hùng giản dị của Lê Lợi, linh hồn của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.***Hướng dẫn chấm:****- Trình bày đầy đủ, sâu sắc: 2,5 điểm**- Trình bày chưa đầy đủ hoặc chưa sâu sắc: 2,25 điểm - 1,25 điểm.**- Trình bày chung chung, chưa rõ: 0,25 điểm – 1,0 điểm.* | 2,5 |
|  | *\* Đánh giá*- Cùng với hình tượng người anh hùng áo vải Lê Lợi, bài cáo đã thể hiện trọn vẹn vẻ đẹp của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, cuộc khởi nghĩa trong điểm hội tụ sức mạnh nhân dân và vì nhân dân. Giá trị cổ điển của bản cáo chính là tính chặt chẽ của bố cục, cấu trúc lập luận mang giá trị nội hàm của các biểu tượng nội dung.- Nguyễn Trãi bày tỏ khát vọng về Lê Lợi, một người anh hùng của nhân dân: phẩm chất giản dị, tâm ý và lý tưởng anh hùng chính là đứng về đại cuộc nhân dân. ***Hướng dẫn chấm:****.**+ Đáp ứng được 01 yêu cầu: 0,25 điểm.* | 0,5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.***Hướng dẫn chấm:*** *không cho điểm nếu bài làm mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.* | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: vận dụng lí luận văn học trong quá trình phân tích, đánh giá; biết so sánh với các tác phẩm khác để làm nổi bật nét đặc sắc; biết liên hệ vấn đề nghị luận với thực tiễn đời sống; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc.***Hướng dẫn chấm:****.**+ Đáp ứng được 3 yêu cầu trở lên: 1,0 điểm.**+ Đáp ứng được 2 yêu cầu: 0,75 điểm.**+ Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,5 điểm.* | 1,0 |

1. 1 *Vay*: từ chỉ ý hoài nghi, than thở (*Chinh phụ ngâm diễn ca* - NXB Văn học, năm 1987, tr.20)

 *Bao ngờ*:đâu ngờ (*Chinh phụ ngâm diễn ca* - NXB Văn học, năm 1987, tr.20) [↑](#footnote-ref-1)